

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03-05
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06-07
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	08-40
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	14-40

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn) tương đương 29.075.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh quặng sắt, vật liệu xây dựng.

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch
- Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên
- Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
- Ông Trần Anh Tú	Thành viên
- Bà Phùng Thị Kim Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 17/03/2016)
- Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2016)
- Bà Vũ Thị Chung	Thành viên
- Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính giữa niên độ của Công ty đã được lập theo đúng yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hòa Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Giám đốc



Lê Hữu Lộc

Số: 20/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 40 kèm theo, bao gồm gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như đã trình bày tại Thuyết minh V.5, chúng tôi đã không thể thu thập được thông tin tài chính về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính của Công ty hay không.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh V.6, Công ty cấp cho Ông Lê Hữu Lộc - Giám đốc khoản vay mà chưa có nghị quyết của đại hội đồng cổ đông là chưa tuân thủ quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh V.4, chúng tôi đã không thể thu thập được Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính của công ty hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề
kiểm toán số: 0589-2015-242-1

111471/... 121 2 1411

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.298.189.729	93.273.215.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	334.640.202	197.733.484
1. Tiền	111		334.640.202	197.733.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.700.483.961	76.208.836.632
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	68.833.787.158	35.399.504.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	30.000.000	262.413.254
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	20.000.000.000	39.300.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	2.323.419.000	1.246.919.000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(486.722.197)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	20.063.600.420	16.763.750.917
1. Hàng tồn kho	141		20.063.600.420	16.763.750.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		199.465.146	102.894.721
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		199.465.146	102.894.721
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.568.238.523	259.975.923.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000.000	150.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		150.000.000.000	150.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thông Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		7.258.116.734	8.115.802.118
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.258.116.734	8.115.802.118
- Nguyên giá	222		18.143.985.128	18.143.985.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.885.868.394)	(10.028.183.010)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		360.121.789	360.121.789
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.121.789	360.121.789
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.4	99.950.000.000	101.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.000.000.000	15.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86.500.000.000	86.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.550.000.000)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.866.428.252	353.249.139.661

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.877.706.540	57.817.742.178
I. Nợ ngắn hạn	310		64.204.706.540	57.817.742.178
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	54.959.234.550	48.654.616.388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.353.596.061	6.309.568.861
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	539.595.000	470.876.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	275.022.223	305.022.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.974.380.000	1.974.380.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.878.706	103.278.706
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.673.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	8.673.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

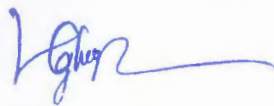
Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.988.721.712	295.431.397.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	295.988.721.712	295.431.397.483
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		290.755.000.000	290.755.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		290.755.000.000	290.755.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.106.364	4.106.364
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.850.090	1.591.850.090
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.637.765.258	3.080.441.029
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.080.441.029	1.419.154.715
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		557.324.229	1.661.286.314
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.866.428.252	353.249.139.661

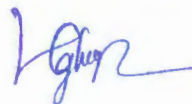
Hòa Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Giám đốc



Lê Hữu Lộc

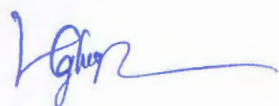
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.932.221.455	20.285.854.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.932.221.455	20.285.854.553
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	57.834.409.209	18.715.327.071
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.097.812.246	1.570.527.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.553.637.388	28.729.747
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.648.719.000	197.438.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.719.000	197.438.000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	95.600.000	95.324.718
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.086.994.635	640.466.199
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		820.135.999	666.028.312
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	98.784.570	17.988.732
13. Lợi nhuận khác	40		(98.784.570)	(17.988.732)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		721.351.429	648.039.580
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	164.027.200	142.568.708
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		557.324.229	505.470.872
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		19,17	19,24
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Lê Hữu Lộc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.595.650.816	6.760.710.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(57.236.881.486)	(5.102.836.451)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(341.600.000)	(357.360.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(200.000.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		85.110.000.000	576.735.078
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(85.186.400.000)	(365.620.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.259.230.670)	1.511.628.536
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.300.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(150.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		150.000.000.000	887.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		423.137.388	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.723.137.388	(1.112.750.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.567.000.000	248.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.894.000.000)	(650.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.673.000.000	(402.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		136.906.718	(3.121.464)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		197.733.484	84.979.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V1.01	334.640.202	81.857.792

Hòa Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết



Giám đốc
Lê Hữu Lộc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn*) tương đương 29.075.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gạch, vôi, đá xẻ, cắt tạo dáng, hoàn thiện đá xẻ; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất xi măng; vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa;
- Phá dỡ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: quặng kim loại màu (Trừ quặng uranium và quặng thorium); Khai thác và thu gom than cứng; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: giao thông, thủy lợi.
- Bán buôn, bán lẻ: than đá, nhiên liệu rắn khác; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyên sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

42
DN
HIE
PT
T
AI
002
NG
PT
NG
BĐ
T.H

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị tra lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

TC
TY
HƯ
7
M
T.F

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh bán hàng hóa: Cung cấp gạch, thép, tôn....

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hòa Bình, Hồ Chí Minh, Hà Nội.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	220.160.862	118.273.802
Tiền gửi ngân hàng	114.479.340	79.459.682
- Tiền gửi ngân hàng VND	114.479.340	79.459.682
<i>NH NN&PTNT Việt Nam</i>	101.111.363	1.293.863
<i>NH Bưu điện Liên Việt</i>	1.440.468	1.440.468
<i>NH TMCP Á Châu</i>	1.836.601	1.836.601
<i>NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hòa Bình</i>	1.306.090	1.048.376
<i>NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Tây Hồ</i>	8.784.818	73.840.374
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	334.640.202	197.733.484

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	68.833.787.158	35.399.504.378
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	64.869.370.984	32.180.920.984
<i>Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái</i>	18.961.967.584	23.805.252.584
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu</i>	14.488.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc</i>	8.375.668.400	8.375.668.400
<i>Công ty TNHH TVTKXD Kỹ Thuật Thương mại Phú Hòa</i>	23.043.735.000	-
Phải thu khách hàng khác	3.964.416.174	3.218.583.394
Cộng	68.833.787.158	35.399.504.378
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái</i>	18.961.967.584	23.805.252.584
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu</i>	14.488.000.000	-
Cộng	33.449.967.584	23.805.252.584

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.000.000	262.413.254
(Chi tiết các khoản trả trước người bán ngắn hạn chiếm 10% trở lên)	30.000.000	-
- <i>Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM</i>	30.000.000	-
Các công ty khác	-	262.413.254
Cộng	30.000.000	262.413.254

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-		-	-		-
b1) Ngắn hạn	-		-	-		-
b1) Dài hạn	-		-	-		-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	101.500.000.000		-	101.500.000.000		-
- Đầu tư vào công ty con	-		-	-		-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.000.000.000		-	15.000.000.000		-
<i>Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt- tỷ lệ sở hữu 25%</i>	15.000.000.000			15.000.000.000		
- Đầu tư vào đơn vị khác	86.500.000.000			86.500.000.000		-
<i>Công ty CP Đá Spilit - tỷ lệ sở hữu 3,1 % (i)</i>	5.000.000.000	3.450.000.000	1.550.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
<i>Công ty CP VFI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 17,9%</i>	22.000.000.000			22.000.000.000		
<i>Công ty CP Đầu tư Phát triển VDI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 14,67%</i>	34.000.000.000			34.000.000.000		
<i>Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái - tỷ lệ sở hữu 9,96%</i>	25.500.000.000			25.500.000.000		
Cộng	101.500.000.000	3.450.000.000	1.550.000.000	101.500.000.000	5.000.000.000	-

(*) Xem Thuyết minh VIII.4.5 - Giá trị hợp lý

(i) Đến ngày 30/06/2016, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể đến khoản đầu tư này. Do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này theo quy định hiện hành.



Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.323.419.000	-	1.246.919.000	-
- Phải thu khác	1.552.500.000	-	422.000.000	-
- Tạm ứng	770.919.000	-	824.919.000	-
<i>Ông Lê Hữu Lộc</i>	770.919.000	-	824.919.000	-
b) Dài hạn	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai (1)	85.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh (2)	65.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh	-	-	150.000.000.000	-
Cộng	152.323.419.000	-	151.246.919.000	-

Chi tiết phải thu dài hạn

(1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cùng góp vốn mỗi bên 50% tương đương 35 tỷ đồng để mua lại nhà máy gạch tuynel, mỏ sét của Công ty TNHH Bình Minh 1 tại Đăk Lăk và đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới, thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 năm, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

(1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 03 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 50 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm, thời gian hợp tác 10 năm, lợi nhuận chia cho các bên là 50%-50%.

(2) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh sơn nước và vật liệu sơn ngày 21 tháng 03 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 65 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất sơn nước các loại và vật liệu sơn tại tỉnh Hòa Bình, Gia Lai đồng thời mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh, thời gian hợp tác 03 năm, lợi nhuận chia cho các bên là 50%-50%.

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-
+ Ông Lê Hữu Lộc	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-

Chi tiết về khoản cho Ông Lê Hữu Lộc vay:

+ Hợp đồng số 07/2015/HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 số tiền 23,8 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 8%/năm, tài sản thế chấp là 6.840.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VFI Việt Nam mà ông Lộc sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	973.444.394	486.722.197	973.444.394	973.444.394
Cộng	973.444.394	486.722.197	973.444.394	973.444.394

Khoản nợ xấu của công ty đều quá hạn từ 1 tháng đến 2 năm, do vậy công ty trích lập dự phòng 50% nợ gốc theo quy định.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	137.436.777	-	137.436.777	-
Công cụ, dụng cụ	6.158.181	-	6.158.181	-
Chi phí SXKD dở dang	3.383.483.976	-	2.858.557.824	-
Thành phẩm nhập kho	495.207.119	-	513.310.768	-
Hàng hóa	16.041.314.367	-	13.248.287.367	-
Cộng	20.063.600.420	-	16.763.750.917	-

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang(chi tiết các công trình chiếm 10% trở lên trên tổng giá trị XD CB	360.121.789	360.121.789
- Xây dựng cơ bản khác	360.121.789	360.121.789
Cộng	360.121.789	360.121.789

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.138.368.952	3.319.483.595	570.330.463	10.028.183.010
Tăng trong kỳ	688.917.419	168.767.965	-	857.685.384
- Số khấu hao trong kỳ	688.917.419	168.767.965	-	857.685.384
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.827.286.371	3.488.251.560	570.330.463	10.885.868.394
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	7.947.034.153	168.767.965	-	8.115.802.118
2. Tại ngày cuối kỳ	7.258.116.734	-	-	7.258.116.734

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
Vay ngân hàng VND	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
NH TMCP Quân Đội	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
b) Vay dài hạn	8.673.000.000	8.673.000.000	-	-	-	-
Bà Phạm Thị Hinh	8.673.000.000	8.673.000.000	25.567.000.000	16.894.000.000	-	-
Cộng	10.647.380.000	10.647.380.000	25.567.000.000	16.894.000.000	1.974.380.000	1.974.380.000

Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Quân đội số 56.12.003.1133890.TD, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất thả nổi.

Hợp đồng vay bà Phạm Thị Hinh số 1605/2016/HĐVV ngày 16 tháng 05 năm 2016, hạn mức tín dụng là 9.100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 0%.

c) *Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan:*

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả
Bà Phạm Thị Hinh	8.673.000.000	8.673.000.000	25.567.000.000	16.894.000.000	-	-
Cộng	8.673.000.000	8.673.000.000	25.567.000.000	16.894.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	54.959.234.550	54.959.234.550	48.654.616.388	48.654.616.388
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	54.911.620.029	54.911.620.029	38.815.256.928	38.815.256.928
<i>Công ty CP Kinh doanh Thương mại Quốc tế</i>	26.301.866.679	26.301.866.679	9.305.503.578	9.305.503.578
<i>Công ty CP mỏ và XNK Khoáng sản Miền Trung</i>	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266
<i>Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận</i>	8.766.823.584	8.766.823.584	9.666.823.584	9.666.823.584
<i>Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai</i>	13.535.098.500	13.535.098.500	13.535.098.500	13.535.098.500
Các khoản phải trả người bán khác	47.614.521	47.614.521	9.839.359.460	9.839.359.460
Cộng	54.959.234.550	54.959.234.550	48.654.616.388	48.654.616.388
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
<i>Công ty CP mỏ và XNK Khoáng sản Miền Trung</i>	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266
<i>Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai</i>	13.535.098.500	13.535.098.500	13.535.098.500	13.535.098.500
Cộng	19.842.929.766	19.842.929.766	19.842.929.766	19.842.929.766
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	24.397.392.384	24.397.392.384	24.263.433.084	24.263.433.084
<i>Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận</i>	8.766.823.584	8.766.823.584	9.666.823.584	9.666.823.584
<i>Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai</i>	13.535.098.500	13.535.098.500	13.535.098.500	13.535.098.500
<i>Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái</i>	1.682.970.300	1.682.970.300	1.061.511.000	1.061.511.000
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu</i>	412.500.000	412.500.000	-	-
Cộng	24.397.392.384	24.397.392.384	24.263.433.084	24.263.433.084

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	1.219.728.284	80.000.000		1.299.728.284
- Thuế TNDN	3.571.804.565	164.027.200	200.000.000	3.535.831.765
- Thuế TNCN	164.068.364	-	-	164.068.364
- Thuế tài nguyên	1.241.245.159	-	-	1.241.245.159
- Các loại thuế khác	112.722.489			112.722.489
Cộng	6.309.568.861	244.027.200	200.000.000	6.353.596.061

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- a) Ngắn hạn
 - Trích trước chi phí kiểm toán
 - Trích chi phí lãi vay
 b) Dài hạn
Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
539.595.000	470.876.000
40.000.000	70.000.000
499.595.000	400.876.000
539.595.000	470.876.000

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

- a) Ngắn hạn
 - Bảo hiểm xã hội
 - Bảo hiểm y tế
 - Bảo hiểm thất nghiệp
 - Phải trả, phải nộp khác
Cộng
 b) Dài hạn
 c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Số cuối kỳ	Số đầu năm
123.553.655	153.553.655
35.608.793	35.608.793
23.919.077	23.919.077
91.940.698	91.940.698
275.022.223	305.022.223

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	262.700.000.000		28.059.106.364	1.591.850.090		1.419.154.715	293.770.111.169
Tăng vốn năm trước	28.055.000.000						28.055.000.000
Lãi trong năm trước						1.661.286.314	1.661.286.314
Tăng khác					-		-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Giảm vốn trong năm trước						-	-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác			28.055.000.000				28.055.000.000
Số dư cuối năm trước	290.755.000.000	-	4.106.364	1.591.850.090	-	3.080.441.029	295.431.397.483
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						557.324.229	557.324.229
Tăng khác					-		-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Giảm vốn trong kỳ này						-	-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Giảm khác							-
Số dư cuối kỳ	290.755.000.000	-	4.106.364	1.591.850.090	-	3.637.765.258	295.988.721.712

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	290.755.000.000	290.755.000.000
Cộng		<u>290.755.000.000</u>	<u>290.755.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	290.755.000.000	262.700.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		28.055.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	290.755.000.000	290.755.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.075.500	29.075.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	557.324.229	505.470.872
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	29.075.500	26.270.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>19,17</u>	<u>19,24</u>

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.591.850.090	1.591.850.090
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	59.932.221.455	20.285.854.553
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	59.932.221.455	20.285.854.553
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết từng đối tượng)		
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu	37.697.657.560	-
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái		10.986.909.091
Cộng	37.697.657.560	10.986.909.091
c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng đã bán	57.834.409.209	18.715.327.071
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Cộng	57.834.409.209	18.715.327.071

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1.553.637.388	28.729.747
Cộng	1.553.637.388	28.729.747

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	98.719.000	197.438.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.550.000.000	
Cộng	1.648.719.000	197.438.000

6 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản thu nhập khác	-	-
Cộng	-	-

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản chi phí khác	98.784.570	17.988.732
Cộng	98.784.570	17.988.732

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	1.086.994.635	640.466.199
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	732.722.197	246.200.000
+ Lương và các khoản trích theo lương	246.000.000	246.200.000
+ Dự phòng phải thu khó đòi	486.722.197	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	354.272.438	394.266.199
Cộng	1.086.994.635	640.466.199
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	95.600.000	95.324.718
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	95.600.000	93.600.000
+ Lương và các khoản trích theo lương	95.600.000	93.600.000
- Chi phí bán hàng khác	-	1.724.718
Cộng	95.600.000	95.324.718
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
Cộng	-	-

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	721.351.429	648.039.580
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.784.570	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	820.135.999	648.039.580
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	164.027.200	142.568.708

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	341.600.000	371.680.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	857.685.384	210.671.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.206.262.884	108.889.189
Chi phí bằng tiền khác	3.084.522	41.372.469
Dự phòng phải thu khó đòi	486.722.197	-
Cộng	5.895.354.987	732.613.203

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Các sự kiện quan trọng trong kỳ**

- Thu hồi 150 tỷ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh.
- Đầu tư hợp tác kinh doanh 85 tỷ vào Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai để mua nhà máy gạch, mỏ sét của Công ty TNHH Bình Minh 1 và đầu tư 3 dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh 65 tỷ để đầu tư mới 2 dây chuyền sản xuất sơn nước và vật liệu sơn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính : VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Tôn	Thép	Gạch	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.532.620.800	46.074.936.760	2.391.000.000	933.663.895	59.932.221.455
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.532.620.800	46.074.936.760	2.391.000.000	933.663.895	59.932.221.455
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	129.840.000	720.548.000	32.910.000	14.514.246	897.812.246
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					1.182.594.635
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(284.782.389)
Doanh thu hoạt động tài chính					1.553.637.388
Chi phí tài chính					1.648.719.000
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					98.784.570
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					164.027.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(642.675.771)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					857.685.384
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Kỳ trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Máy móc	Thép	Gạch	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.060.000.000	5.533.500.000	2.816.000.000	2.876.354.553	20.285.854.553
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.060.000.000	5.533.500.000	2.816.000.000	2.876.354.553	20.285.854.553
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	280.579.549	93.000.000	256.000.000	940.947.933	1.570.527.482
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					735.790.917
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					834.736.565
Doanh thu hoạt động tài chính					28.729.747
Chi phí tài chính					197.438.000
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					17.988.732
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					142.568.708
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					505.470.872
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					865.851.912
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thông Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Máy móc	Thép	Gạch	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.628.295.253	68.365.958.401	3.547.764.100	1.385.369.823	88.927.387.578
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					279.939.040.674
Tổng tài sản					368.866.428.252
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.658.657.112	42.251.783.678	2.192.602.353	856.191.407	54.959.234.550
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					17.918.471.990
Tổng nợ phải trả					72.877.706.540
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	23.414.175.420	14.300.478.994	7.277.518.541	7.433.495.593	52.425.668.549
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					300.823.471.112
Tổng tài sản					353.249.139.661
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.729.960.812	13.271.825.403	6.754.036.385	6.898.793.788	48.654.616.388
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					9.163.125.790
Tổng nợ phải trả					57.817.742.178

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**Kỳ này**

Chỉ tiêu	Hòa Bình	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	37.697.657.560	20.948.850.000	1.257.104.800	28.609.095	59.932.221.455
Tài sản bộ phận	4.565.390.578	2.537.019.237	152.242.202	3.464.716	7.258.116.734
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Vĩnh Phúc	Yên Bái	Hà Nội	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	187.654.553	11.124.723.192	8.974.200.000	-	20.286.577.745
Tài sản bộ phận	83.009.359	4.920.723.192	3.969.754.951	-	8.973.487.502
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	114.479.340	79.459.682
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	99.950.000.000	101.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.157.206.158	36.646.423.378
Cộng	171.221.685.498	138.225.883.060

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng (VND)
Số cuối kỳ				
Các khoản vay	1.974.380.000	8.673.000.000		10.647.380.000
Phải trả người bán	54.959.234.550			54.959.234.550
Chi phí phải trả	539.595.000	-		539.595.000
Phải trả khác	275.022.223	-		275.022.223
Số đầu năm				
Các khoản vay	1.974.380.000	-		1.974.380.000
Phải trả người bán	48.654.616.388			48.654.616.388
Chi phí phải trả	470.876.000	-		470.876.000
Phải trả khác	305.022.223	-		305.022.223

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a- DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4.5 Giá trị hợp lý**- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	334.640.202	334.640.202	197.733.484	197.733.484
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.157.206.158	(*)	36.646.423.378	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	150.000.000.000	(*)	150.000.000.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	99.950.000.000	(*)	101.500.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(1.974.380.000)	(1.974.380.000)	(1.974.380.000)	(1.974.380.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(55.234.256.773)	(55.234.256.773)	(48.959.638.611)	(48.959.638.611)
- Vay dài hạn	(8.673.000.000)	(8.673.000.000)	-	-
Cộng	255.560.209.587	(*)	237.410.138.251	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý*Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5. Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan có giao dịch trong kỳ****Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai
 Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái
 Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu
 Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận

Mối quan hệ

Cùng thành viên quản lý chu chốt
 Công ty đầu tư góp vốn
 Cùng thành viên quản lý chủ chốt
 Cùng thành viên quản lý chủ chốt

b) Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, trong kỳ Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giá trị giao dịch</u> <u>(VND)</u>
<i>Thu nợ vay</i>	
Ông Lê Hữu Lộc	19.300.000.000
Cộng	19.300.000.000
<i>Tạm ứng</i>	
Ông Lê Hữu Lộc	85.056.000.000
Cộng	85.056.000.000
<i>Hoàn ứng</i>	
Ông Lê Hữu Lộc	85.110.000.000
Cộng	85.110.000.000
<i>Thu hồi khoản đầu tư</i>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh	150.000.000.000
Cộng	150.000.000.000
<i>Bán hàng</i>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu	41.467.423.316
Cộng	41.467.423.316
<i>Thu tiền bán hàng</i>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu	26.979.423.316
Công ty Cổ phần Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	4.939.450.000
Cộng	31.918.873.316
<i>Mua hàng</i>	
Công ty Cổ phần Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	12.395.581.836
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu	412.500.000
Cộng	12.808.081.836
<i>Trả tiền mua hàng</i>	
Công ty Cổ phần Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	11.774.122.536
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	900.000.000
Cộng	12.674.122.536

b) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau :

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng	108.000.000
Cộng		156.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo soát xét 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

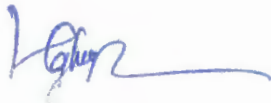
7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2016

